

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC & NỘI THẤT LINK HOUSES**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG KIẾN TRÚC & NỘI THẤT LINK HOUSES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINK HOUSES CONSTRUCTION ARCHITECTURE & INTERIOR JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109379280

**3. Ngày thành lập:** 15/10/2020

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 179 Vũ Tông Phan, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                      | <b>Mã ngành</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101            |
| 2.         | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102            |
| 3.         | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211            |
| 4.         | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212            |
| 5.         | Xây dựng công trình điện                                              | 4221            |
| 6.         | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222            |
| 7.         | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223            |
| 8.         | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229            |
| 9.         | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291            |
| 10.        | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292            |
| 11.        | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293            |
| 12.        | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299            |
| 13.        | Phá dỡ                                                                | 4311            |
| 14.        | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                           | 4312            |
| 15.        | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321            |
| 16.        | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322            |
| 17.        | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329            |
| 18.        | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330            |
| 19.        | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390            |
| 20.        | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                  | 4641            |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652 |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659 |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                            | 4690 |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 30. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                              | 4773 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                               | 4774 |
| 33. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                      | 4791 |
| 34. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                 | 4799 |
| 35. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                     | 8299 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 37. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động đo đạc và bản đồ</p> <p>Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;</p> <p>Thiết kế cơ - điện công trình;</p> <p>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Khảo sát địa hình;</p> <p>Khảo sát địa chất công trình</p> <p>- Giám sát công tác xây dựng:</p> <p>+ Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>+ Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;</p> <p>+ Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>- Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình</p> | 7110(Chính) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ANH DUY | CH 2936 tòa HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    | 0300860065<br>18                                                                            |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Tổng số                   | 100.000    | 1.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THỊ THANH   | CH 2936 tòa HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 0401890009<br>05                                                                            |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                        |                           |        |             |        |                  |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | LÊ THỊ GIANG | 1004 CT12B Kim Văn- Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 | 0401860002<br>94 |
|   |              |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |              |                                                                                        | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 25,000 |                  |
|   |              |                                                                                        |                           |        |             |        |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ANH DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030086006518

Ngày cấp: 24/01/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CH 2936 tòa HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: CH 2936 tòa HH1A Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội